

Số: /QĐ-BVPN

Bằng Thành, ngày 9 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN PÁC NẶM

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2670/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đổi tên Trung tâm Y tế Pác Nặm thành Bệnh viện Pác Nặm thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản xét duyệt quyết toán năm 2025;

Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2025 của Bệnh viện Pác Nặm (Chi tiết theo Mẫu biểu số 76 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng, phó các phòng, khoa và toàn thể viên chức, người lao động thuộc Bệnh viện Pác Nặm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Sở Y tế (B/cáo);
- BGĐ BVPN;
- Trang thông tin điện tử của đơn vị;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, KT.(NT Đoàn)

GIÁM ĐỐC

Ma Thị Sao

Đơn vị: Bệnh viện Pác Nặm
Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 141 /QĐ-BVPN ngày 9 / 6 /2026 của Bệnh viện Pác Nặm)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.				
B	Quyết toán chi Ngân sách nhà nước	23.695.559.481	23.695.559.481		
I	Nguồn Ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	23.695.559.481	23.695.559.481		
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.113.000.000	19.113.000.000		
-	Hệ Y tế dự phòng	13.914.000.000	13.914.000.000		
-	Hệ khám bệnh, chữa bệnh	5.199.000.000	5.199.000.000		
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.945.620.440	2.945.620.440		
-	Hệ Y tế dự phòng	2.232.007.440	2.232.007.440		
-	Hệ khám bệnh, chữa bệnh	293.000.000	293.000.000		
-	Vệ sinh an toàn thực phẩm	45.000.000	45.000.000		
-	Dân số	122.988.000	122.988.000		
-	Y tế khác	252.625.000	252.625.000		

1.3	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	733.731.615	733.731.615		
1.4	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	903.207.426	903.207.426		